

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 07/2019/KDTM-GĐT

Ngày: 02/4/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng xây dựng, hợp
đồng nạo vét lòng sông và hợp đồng xin
cấp giấy phép cho tàu vào cảng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm có: 09/11 thành viên tham gia xét xử, do ông Võ Văn Cường – Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ tọa phiên tòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lua – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại về “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng, hợp đồng nạo vét lòng sông và hợp đồng xin cấp phép cho tàu vào cảng*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đ

Địa chỉ: tổ A, đường H, quận B, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Q, sinh năm 1978

Địa chỉ: số Z, Nguyễn C, phường D, quận C, thành phố Hải Phòng.

(Văn bản ủy quyền ngày 09/01/2018).

2. Bị đơn: Công ty I

Địa chỉ: khu công nghiệp T, xã T, huyện G, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T, sinh năm 1985

Địa chỉ: số Z, đường T, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 02/6/2015).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Công ty cổ phần Đ do ông Đỗ Q đại diện theo ủy quyền trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Để triển khai Dự án mở Ben cảng Fu-I tại luồng hàng hải S, thuộc khu công nghiệp T, xã T, huyện G, tỉnh L, giữa Công ty I với Công ty Cổ phần Đ đã ký kết và thực hiện các hợp đồng gồm:

- Hợp đồng xây dựng cảng xuất nhập nguyên liệu số 03-01/HĐ-CT2009 ký ngày 01/3/2009 (gọi tắt là hợp đồng số 03-01, ngày 01/3/2009). Công ty Đ đã hoàn thành công việc xây dựng cảng xuất nhập nguyên liệu cho Công ty I, hai bên đã nghiệm thu công trình và đưa vào sử dụng chính thức từ ngày 30/12/2010 và ngày 20/01/2011. Công ty cổ phần Đ cũng đã hoàn thiện đầy đủ hồ sơ thanh toán chuyển cho Công ty I, nhưng Công ty I mới chỉ thanh toán cho Công ty cổ phần Đ 22.883.512.994 đồng trong tổng số tiền phải thanh toán là 28.383.550.204 đồng, còn nợ số tiền 5.500.037.210 đồng, bao gồm: 2.658.842.850 đồng giá trị quyết toán công trình (tính từ ngày bàn giao công trình là ngày 21/01/2011) và 2.841.194.360 đồng tính trên 10% tiền bảo hành công trình (tính từ ngày hết thời hạn bảo hành là ngày 21/01/2012).

- Hợp đồng nạo vét lòng sông khu vực cảng LA ký ngày 27/3/2012 (gọi tắt là hợp đồng nạo vét lòng sông ngày 27/3/2012) có nội dung: Công ty cổ phần Đ nhận nạo vét lòng sông khu vực cảng LA của Công ty I với tổng giá trị hợp đồng là 1.039.456.000 đồng. Công việc đã được thực hiện xong, hai bên đã tiến hành nghiệm thu, bàn giao công trình và Công ty I đã nhận được toàn bộ hồ sơ thanh toán nhưng đến nay Công ty I mới thanh toán cho Công ty cổ phần Đ 40% giá trị hợp đồng tương ứng với 415.782.400 đồng, còn nợ Công ty cổ phần Đ 60% tương ứng với số tiền là 623.673.600 đồng.

- Hợp đồng kinh tế xin cấp phép cho tàu vào cảng LA ký ngày 27/12/2011 và Phụ lục Hợp đồng kinh tế 01 xin cấp phép cho tàu vào cảng LA và khảo sát lập bình đồ lần 2 ký ngày 24/4/2012 (gọi tắt là hợp đồng xin cấp phép cho tàu vào cảng ngày 24/4/2012), nội dung: Công ty cổ phần Đ nhận khảo sát, lập bình đồ độ sâu khu vực chân cầu và thủy điện, rà quét chướng ngại vật đồng thời ra thông báo hàng hải với cao độ -6.5 (hải đồ) theo hồ sơ thiết kế được duyệt cho tàu ra vào cảng xuất nhập nhiên liệu thuộc Công ty I ở tỉnh LA với tổng giá trị hợp đồng trọn gói là 633.473.856 đồng. Công ty cổ phần Đ đã thực hiện xong hợp đồng và Công ty I đã nhận được Quyết định số 443/QĐ-CHHHVN ngày 11/6/2013 của Cục Hàng hải Việt Nam về việc công bố mở Ben cảng Fu - I, nhưng Công ty I vẫn chưa thanh toán cho Công ty cổ phần Đ 50% giá trị hợp đồng còn lại, tương ứng với 316.736.928 đồng.

Ngày 19/02/2014, Công ty I đã xác nhận số nợ mà Công ty I phải trả cho Công ty cổ phần Đ tính đến ngày 31/12/2013 là 3.599.253.378 đồng, số tiền này là chưa tính tiền bảo hành đối với cả 03 hợp đồng trên. Như vậy, mặc dù đã quá 02 năm kể từ ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm nhưng các bên đã gia hạn việc trả nợ bằng Thư xác nhận công nợ ngày 19/02/2014. Do đó, căn cứ Điều 162 Bộ luật Dân sự năm

2005 về việc bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, thời hiệu khởi kiện vụ án này được bắt đầu lại từ ngày 20/02/2014.

Công ty cổ phần Đ đã nhiều lần làm văn bản yêu cầu Công ty I thanh toán các khoản nợ đến hạn. Ngày 23/4/2014, Công ty cổ phần Đ đã gửi công văn số 36/CV-DK yêu cầu Công ty I thanh toán 6.440.447.738 đồng bao gồm: 3.599.253.378 đồng tiền chưa thanh toán của 03 hợp đồng và 2.841.194.360 đồng tiền bảo hành công trình theo hợp đồng xây dựng cảng xuất nhập nguyên liệu số 03-01 ngày 01/3/2009.

Nay, Công ty cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty I trả các khoản nợ sau:

- Tiền nợ gốc của 03 hợp đồng nêu trên là 6.440.447.738 đồng.
- Tiền lãi chậm trả, tính từ ngày hết hạn trả nợ theo hợp đồng đến ngày 10/12/2015 của 03 hợp đồng và lãi suất của tiền bảo hành hợp đồng xây dựng cảng xuất nhập khẩu nguyên liệu số 03 - 01 2009 ngày 01/03/2009.

Bị đơn Công ty I do ông Nguyễn T đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Công ty I chỉ đồng ý trả cho Công ty cổ phần Đ số tiền nợ của hợp đồng xin cấp phép cho tàu vào cảng ngày 24/4/2012 là 316.736.928 đồng. Hai hợp đồng còn lại đã hết thời hiệu khởi kiện theo Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Thư xác nhận nợ ghi ngày 19/02/2014 do ông L P Y ký mà Công ty cổ phần Đ dùng làm căn cứ khởi kiện không có giá trị pháp lý vì ông L P Y không có chức vụ và thẩm quyền gì để ký xác nhận nợ. Ông L P Y chỉ là công nhân thời vụ được Công ty I tại Việt Nam thuê, có nhiệm vụ là trông coi công trường Fu-I và quản lý hồ sơ, con dấu của công ty. Ông L P Y đã nghỉ việc tại Công ty I khoảng tháng 2 hoặc tháng 3 năm 2014. Hiện tại, ông L P Y đã về Đài Loan, không còn ở Việt Nam nữa, địa chỉ chính xác của ông Lin Pen Yuan, công ty không biết.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2015/KDTM-ST ngày 10/12/2015, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đ đối với Công ty I.

Buộc Công ty I phải trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền 9.847.387.189 đồng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 03/2018/KDTM-PT ngày 26/3/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của Công ty I.

Hủy một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2015/KDTM-ST ngày 10/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đ do hết thời hiệu khởi kiện.

Hủy một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2015/KDTM-ST ngày 10/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đ về việc tranh chấp Hợp đồng xây dựng

cảng xuất nhập nguyên liệu số 03-01/HĐ-CT2009 ký ngày 01/3/2009 và hợp đồng nạo vét lòng sông khu vực cảng LA ký ngày 27/3/2012 với Công ty I do hết thời hiệu khởi kiện;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đ về việc yêu cầu Công ty I trả nợ. Buộc Công ty I có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đ khoản nợ trong hợp đồng xin cấp phép cho tàu vào cảng LA ký ngày 27/12/2011 và Phụ lục hợp đồng kinh tế 01 xin cấp phép cho tàu vào cảng LA và khảo sát lập bình đồ lần 2 ký ngày 24/4/2012 số tiền gốc và lãi chậm trả là 440.972.600 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, hiệu lực của bản án.

Ngày 19/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có công văn số 121/BC-VKS về việc đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên.

Ngày 16/10/2018, Công ty Cổ phần Đ có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 184/QĐKNGĐT-VC3-KDTM ngày 12/11/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án kinh doanh phúc thẩm nêu trên, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2015/KDTM-ST ngày 10/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2015/KDTM-ST ngày 10/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với hợp đồng kinh tế xin cấp phép cho tàu vào cảng LA ngày 27/12/2011 và phụ lục hợp đồng kinh tế 01 xin cấp phép cho tàu vào cảng LA và khảo sát lập bình đồ lần 2 ngày 24/4/2012, Công ty I thừa nhận còn nợ Công ty cổ phần Đ số tiền 316.736.928 đồng, Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Long An tuyên buộc Công ty I phải thanh toán cho Công ty cổ phần Đ số tiền gốc và lãi chậm trả, tổng cộng là 440.972.600 đồng là có căn cứ.

[2] Đối với hợp đồng xây dựng cảng xuất nhập nguyên liệu số 03-01 ngày 01/3/2009 và hợp đồng nạo vét lòng sông khu vực cảng LA ký ngày 27/3/2012 thấy rằng, khi xác lập hợp đồng, các bên thỏa thuận là tổng giá trị thanh toán sẽ căn cứ vào khối lượng công việc thực tế hoàn thành, được cán bộ giám sát của Công ty I nghiệm

thu trong biên bản nghiệm thu nhân với đơn giá thỏa thuận tại hợp đồng. Sau đó, trên cơ sở việc nghiệm thu mỗi tháng một lần, Công ty I sẽ thanh toán cho Công ty cổ phần Đ 80% tổng giá trị trong vòng 30 ngày kể từ khi Công ty I có hồ sơ thanh toán và việc thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như Biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hàng tháng, biên bản bàn giao công trình đã hoàn thành đều do ông LPY đại diện cho Công ty I ký tên và đóng dấu. Trên cơ sở đó, Công ty I thanh toán tiền cho Công ty cổ phần Đ thông qua hình thức chuyển khoản. Thực tế, Công ty I cũng đã thanh toán cho Công ty cổ phần Đ một phần tiền bằng phương thức này, số tiền còn lại đến ngày 19/02/2014, ông LPY lập giấy “*Thư xác nhận nợ, vay*” xác nhận Công ty I còn nợ Công ty cổ phần Đ số tiền 3.599.253.378 đồng và đề nghị Công ty cổ phần Đ xác nhận. Ngày 24/02/2014, ông Đào T là Giám đốc Công ty cổ phần Đ đã ký xác nhận. Trong báo cáo tài chính năm 2013 do Tổng giám đốc Công ty I ký gửi Công ty Kiểm toán Sao Việt cũng ghi rõ khoản nợ này. Điều đó cho thấy, thư xác nhận nợ ngày 19/02/2014 do ông LPY ký, đóng dấu được lãnh đạo Công ty I biết và thừa nhận, nên Công ty I phải có trách nhiệm đối với số tiền còn nợ Công ty cổ phần Đ. Công ty I cho rằng ông LPY không có thẩm quyền ký giấy xác nhận nợ nên không đồng ý trả nợ là không có căn cứ.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, sau khi hoàn thành công việc theo các hợp đồng đã ký, phía Công ty I chưa thanh toán đủ tiền cho Công ty cổ phần Đ nên đến ngày 19/02/2014 đã lập giấy “*Thư xác nhận nợ, vay*” để xác định số tiền nợ còn lại chưa thanh toán. Ngày 12/3/2015, Công ty cổ phần Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty I phải trả số tiền còn nợ, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 162 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì trường hợp này là còn trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đ, buộc Công ty I có trách nhiệm phải thanh toán số tiền còn thiếu cho Công ty cổ phần Đ là đúng quy định của pháp luật.

[4] Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng thư xác nhận nợ ngày 19/02/2014 do ông LPY ký không có giá trị pháp lý và khoản nợ của hợp đồng xây dựng cảng xuất nhập nguyên liệu số 03-01 ngày 01/3/2009 và hợp đồng nạo vét lòng sông ngày 27/3/2012 đã hết thời hiệu khởi kiện để hủy một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đ về việc tranh chấp hai hợp đồng nêu trên là không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng nghị số 184/QĐKNGĐT-VC3-KDTM ngày 12/11/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 03/2018/KDTM-PT ngày 26/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ

thẩm số 11/2015/KDTM-ST ngày 10/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, về vụ án “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng, hợp đồng nạo vét lòng sông và hợp đồng xin cấp phép cho tàu vào cảng*” giữa nguyên đơn là Công ty cổ phần Đ với bị đơn là Công ty I.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng LTHS, HS, THS. (NL).

**TM.ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Văn Cường